

Số : 47/QĐ-TVT

Lâm Đồng, ngày 3 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai quyết toán ngân sách năm 2017 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng .

GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 131/TB-STC ngày 17/01/2017 của Sở Tài chính Lâm Đồng V/v Thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-VHTTDL ngày 18/01/2017 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng V/v Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho Thư viện tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ biên bản thẩm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách ngày 13/03/2018 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch V/v thẩm tra, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017 của Thư viện tỉnh Lâm Đồng (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Phòng Hành chính, Kế toán Thư viện tỉnh và các đơn vị chức năng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu VT, KT.

GIÁM ĐỐC



HỒ THANH HÀ

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng
Chương: 425

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày.../.../....của....)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Phí thư viện	15
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	15
	Chi phí trực tiếp	
	Trích 40% nộp CCTL	6
	Trích 60% bổ sung hoạt động	9
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.465
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.779
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Người lập biểu


Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 04 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị



Hồ Thanh Hà

Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) năm 2017

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	15	12	80	100
1	Số thu phí, lệ phí	15	12	80	100
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
	Phí Thư viện	15	12	80	100
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	15	12	80	100
	Chi phí trực tiếp	2,62	2,62	80	100
	Trích 40% nộp CCTL	4,95	3,75	75	100
	Trích 60% bổ sung hoạt động	7,43	5,63	71	100
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.528	3.528	100	100
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.842	1.842	100	100
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686	1.686	100	100
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 03 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu


Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Thủ trưởng đơn vị


Hồ Thanh Hà

Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2017

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày.../.../....của....)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	168	168			
A	Tổng số thu	168	168			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
	Phí Thư viện	12	12			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	24	24			
3	Thu sự nghiệp khác	132	132			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	168	168			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12	12			
	Chi phí trực tiếp	2,62	2,62			
	Trích 40% nộp CCTL	3,75	3,75			
	Trích 60% bổ sung hoạt động	5,63	5,63			
1.1	Chi sự nghiệp.....					
1.2	Chi quản lý hành chính					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	24	24			
	Chi phí trực tiếp					
	Trích 40% nộp CCTL	8,24	8,24			
	Trích 60% bổ sung hoạt động	12,36	12,36			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	132	132			
	Chi phí trực tiếp					
	Trích 40% nộp CCTL	52,8	52,8			
	Trích 60% bổ sung hoạt động	79,2	79,2			
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3,4	3,4			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.528	3.528			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.842	1.842	1.431		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686	1.686		1.686	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Hồ Thanh Hà



Đơn vị: Thư viện tỉnh Lâm Đồng

Chương: 425

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2017

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày.../.../....của....)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Thư viện tỉnh		Đơn vị ...	
		Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu				
I	Quyết toán thu				
A	Tổng số thu				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	12	12		
	Phí Thư viện	12	12		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	24	24		
3	Thu sự nghiệp khác	132	132		
B	Chi từ nguồn thu được để lại				
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12	12		
	Chi phí trực tiếp	2,62	2,62		
	Trích 40% nộp CCTL	3,75	3,75		
	Trích 60% bổ sung hoạt động	5,63	5,63		
1.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
1.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	24	24		
	Chi phí trực tiếp				
	Trích 40% nộp CCTL	8,24	8,24		
	Trích 60% bổ sung hoạt động	12,36	12,36		
3	Hoạt động sự nghiệp khác	132	132		
	Chi phí trực tiếp				
	Trích 40% nộp CCTL	52,8	52,8		
	Trích 60% bổ sung hoạt động	79,2	79,2		
C	Số thu nộp NSNN				
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3,4	3,4		

3	Hoạt động sự nghiệp khác				
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.528	3.528		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.842	1.842		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.686	1.686		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Lâm Đồng, ngày 03 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Huỳnh Duyên

Hồ Thanh Hà

